

Số: 01/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Học viện Chính sách và Phát triển

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-KĐCL ngày 07/02/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXVI của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-KĐCL ngày 07/02/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên XXVI;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá của Học viện Chính sách và Phát triển, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp XXVI ngày 02-03/3/2024 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Học viện Chính sách và Phát triển của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục Học viện Chính sách và Phát triển theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Học viện và đã được Học viện đồng thuận. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Học viện Chính sách và Phát triển cho thấy điểm trung bình của các tiêu chuẩn trong từng mục: Đảm bảo chất lượng về chiến lược, Đảm bảo chất lượng về hệ thống, Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng, Kết quả hoạt động đều đạt từ 3,50 điểm trở lên và không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,00 điểm (chi tiết trong Phụ lục I).

2. Kiến nghị Học viện Chính sách và Phát triển cần thực hiện 25 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 46, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Học viện Chính sách và Phát triển.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Đình Văn Toàn

UNIVERSITY OF
HANOI

Phụ lục I

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 01/NQ-HĐKĐCL ngày 04 tháng 3 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình	Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Mục 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược	3.76	Mục 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	3.84
Tiêu chuẩn 1	3.60	Tiêu chuẩn 13	4.00
Tiêu chuẩn 2	3.75	Tiêu chuẩn 14	3.80
Tiêu chuẩn 3	3.75	Tiêu chuẩn 15	3.80
Tiêu chuẩn 4	3.75	Tiêu chuẩn 16	3.75
Tiêu chuẩn 5	3.75	Tiêu chuẩn 17	3.75
Tiêu chuẩn 6	3.71	Tiêu chuẩn 18	4.00
Tiêu chuẩn 7	3.80	Tiêu chuẩn 19	3.75
Tiêu chuẩn 8	4.00	Tiêu chuẩn 20	3.75
Mục 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống	3.78	Tiêu chuẩn 21	4.00
Tiêu chuẩn 9	3.83	Mục 4. Kết quả hoạt động	3.77
Tiêu chuẩn 10	3.75	Tiêu chuẩn 22	4.00
Tiêu chuẩn 11	3.75	Tiêu chuẩn 23	3.83
Tiêu chuẩn 12	3.80	Tiêu chuẩn 24	3.75
		Tiêu chuẩn 25	3.50

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
ĐỐI VỚI HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

*(Kèm theo Nghị quyết số: 01/NQ-HĐKĐCL ngày 04 tháng 3 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Học viện Chính sách và Phát triển giai đoạn 2018-2022 cho thấy Học viện có những điểm mạnh như sau:

1. Về Đảm bảo chất lượng về chiến lược: Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục được xây dựng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và định hướng phát triển của Học viện, về cơ bản phù hợp với chiến lược phát triển được Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt. Hệ thống quản trị và cơ cấu lãnh đạo, quản lý được thiết lập theo quy định. Chiến lược phát triển được quán triệt, phổ biến để triển khai và được giảng viên, nhân viên, người học đồng lòng thực hiện. Nhân lực quản lý được quy hoạch. Công tác lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường nguồn lực tài chính được thực hiện theo quy định; nguồn thu đảm bảo cân đối chi thường xuyên hướng tới tự chủ. Khuôn viên, hạ tầng được đầu tư cho phát triển một trường đại học hiện đại. Chính sách, kế hoạch mở rộng mạng lưới và hợp tác quốc tế trong đào tạo bước đầu có kết quả.

2. Về Đảm bảo chất lượng về hệ thống: Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong được thiết lập và vận hành khá hiệu quả; đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác đảm bảo chất lượng được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ. Các kế hoạch đảm bảo chất lượng trung hạn và ngắn hạn được xây dựng trong đó đã ghi nhận những điểm mạnh, điểm tồn tại và triển khai thực hiện để cải tiến chất lượng. Việc tin học hoá quản lý hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bước đầu có hiệu quả phục vụ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Kế hoạch nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế sử dụng các thông tin so chuẩn.

3. Về Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: Chính sách tuyển sinh, tiêu chí và phương thức tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và công bố công khai. Kết quả tuyển sinh ổn định, chất lượng được duy trì. Công tác thiết kế và phát triển chương trình đào tạo đạt nhiều kết quả. Các hoạt động dạy học cơ bản phù hợp với triết lý giáo dục của Học viện; các hoạt động thực hành, thực tế được quan tâm. Các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát học tập, rèn luyện được người học đánh giá cao. Quy trình quản lý khoa học công nghệ được xây dựng chặt chẽ; mạng lưới hợp tác nghiên cứu khoa học với các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước được mở rộng; hệ thống quản lý, bảo hộ các phát minh, sáng chế, kết quả nghiên cứu bước đầu được thiết lập. Các chính sách, kế hoạch kết nối và phục vụ cộng đồng để thực hiện sứ mạng của Học viện được triển khai và cải tiến.

4. Về Kết quả hoạt động: Hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành với tư cách là cơ sở giáo dục đại học công được chỉ đạo và giám sát trực tiếp về các nguồn lực, chính sách và chỉ tiêu tài chính từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Các tỉ lệ về kết quả đầu ra của chương trình đào tạo được thiết lập và giám sát. Tỉ lệ việc làm và việc làm phù hợp cao, năng lực sinh viên tốt nghiệp được nhà sử dụng lao động khá hài lòng. Kết quả nghiên cứu khoa học có sự thay đổi tích cực, số lượng các sản phẩm nghiên cứu khoa học có sự gia tăng. Các chỉ tiêu về kết quả và các chỉ số tài chính

của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học có cải thiện đáng kể, được xã hội và các bên ghi nhận.

Tuy nhiên, Học viện vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục (cụ thể như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Học viện cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo 25 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Hợp tác sâu rộng, hiệu quả với các bên liên quan trong xây dựng, phát triển và giám sát thực hiện sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục. Chất lọc, lựa chọn và áp dụng sáng tạo các bài học hay, kinh nghiệm thành công của các trường đại học trong và ngoài nước; phát huy giá trị cốt lõi, thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng. Áp dụng quản trị đại học tiên tiến; công nghệ, thành tựu cách mạng công nghiệp 4.0, tích hợp vào trong các quy định, hướng dẫn các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, chuyển giao tri thức và phục vụ cộng đồng để phát triển Học viện.

2. Tận dụng thế mạnh, đặc sắc của ngành kế hoạch đầu tư, tinh hoa Hà Nội, Đồng bằng sông Hồng và của chính Học viện để nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo sự khác biệt trong quản trị và phát triển. Áp dụng mô hình "*tổng công trình sư*" trong việc chuyển tải, tổ chức thực hiện, đổi mới sáng tạo và giám sát, đánh giá, cải tiến các quyết định của các cơ quan quản trị với sự tham gia của các bên liên quan để thực hiện sứ mạng, tầm nhìn. Nâng cao năng lực tự chủ, trách nhiệm, tính minh bạch, bền vững và khả năng quản trị rủi ro mọi hoạt động dựa vào bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục.

3. Phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức Đảng, Đoàn thể, chính quyền trong việc xây dựng kế hoạch và tổ chức quán triệt, phổ biến sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi để mọi thành viên hiểu đúng và có trách nhiệm cùng thực hiện. Định kỳ rà soát, đánh giá tính hợp lý và hiệu quả của cơ cấu tổ chức, quản lý và hệ thống các văn bản quản lý. Thường xuyên rà soát, cập nhật kịp thời chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong triển khai các hoạt động.

4. Ban hành quy trình, hướng dẫn chi tiết về công tác xây dựng kế hoạch chiến lược. Triển khai xây dựng kế hoạch chiến lược thành phần về nguồn nhân lực, đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, tài chính và cơ sở vật chất; xác định các KPIs cốt lõi và có kế hoạch thực hiện theo lộ trình năm học, trong đó lưu ý kế hoạch cụ thể về hoạt động phục vụ cộng đồng. Tăng cường và nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chiến lược.

5. Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý các cấp về năng xây dựng chính sách. Đầu tư xây dựng và ban hành các chính sách cốt lõi trong chỉ đạo các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và hướng dẫn cụ thể hoạt động phục vụ cộng đồng để đạt được mục tiêu chiến lược và tầm nhìn, trong đó quan tâm đặc biệt đến các chính sách: thu hút và phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên; hỗ trợ nghiên cứu khoa học đỉnh cao; hỗ trợ kết nối, phục vụ cộng đồng có ý nghĩa đối với phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

6. Có cơ chế thu hút, đãi ngộ và giữ chân giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu đầu ngành phù hợp với cơ chế tự chủ. Xây dựng chỉ số KPIs và cơ chế thực hiện đánh giá kết quả, đãi ngộ gắn với ghi nhận đóng góp và hiệu quả thực hiện; hoàn thiện tiêu chí để đánh giá và đào tạo theo tiếp cận năng lực theo vị trí việc làm trong đó chú trọng tăng cường năng lực tham mưu

chính sách, quản lý đối với đội ngũ cán bộ giảng viên và tính chuyên nghiệp đối với đội ngũ nhân viên. Thường xuyên rà soát, hoàn thiện và thực hiện kịp thời quy hoạch, các chính sách, quy trình về nguồn nhân lực phù hợp với cơ chế tự chủ và tầm nhìn phát triển Học viện đến 2030.

7. Có chiến lược phát triển nhanh quy mô nguồn thu theo hướng đa dạng hóa, tập trung vào các lĩnh vực tiềm năng, đào tạo ngắn hạn, tư vấn, chuyển giao trong lĩnh vực xây dựng chính sách và quản lý. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư thư viện điện tử, tăng cường học liệu và cơ sở dữ liệu điện tử; nâng cấp các phần mềm tích hợp đáp ứng tầm nhìn của một đại học thông minh. Rà soát, kiện toàn bộ máy quản lý y tế, thư viện và các dịch vụ hỗ trợ sinh viên. Có giải pháp để tối ưu hóa trong quản trị, khai thác cơ sở vật chất và đảm bảo an ninh, an toàn khi vận hành hạ tầng, tòa nhà và cơ sở vật chất mới.

8. Có các kế hoạch, giải pháp để đạt được mục tiêu chiến lược hợp tác quốc tế; có chính sách hiệu quả hơn trong phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại. Tăng cường thu hút SV, GV quốc tế đến trao đổi đào tạo và nghiên cứu khoa học. Xây dựng cơ chế, chính sách và rà soát, đánh giá các chương trình hợp tác để cải tiến.

9. Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy định về các hoạt động đảm bảo chất lượng và các hướng dẫn thực hiện đáp ứng đầy đủ các mục tiêu chiến lược. Nghiên cứu hoàn thiện và chuẩn hóa quy trình lập kế hoạch các hoạt động đáp ứng mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng. Định kỳ rà soát và cải tiến quy trình và các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính để có những điều chỉnh, cập nhật đáp ứng đầy đủ các mục tiêu chiến lược đảm bảo chất lượng.

10. Rà soát để cải tiến chất lượng mọi mặt hoạt động nhằm xây dựng và củng cố văn hoá chất lượng trong toàn Học viện. Kịp thời ban hành kế hoạch tổng thể về bảo đảm chất lượng nhằm cải tiến chất lượng liên tục; tăng cường tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ tham mưu và thực hiện công tác đảm bảo chất lượng để triển khai tự đánh giá các chương trình đào tạo theo các bộ tiêu chuẩn.

11. Hoàn thiện công tác thu thập và phân tích dữ liệu khảo sát các bên liên quan; cải thiện hạ tầng công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu tác nghiệp và đảm bảo hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được lưu trữ có hệ thống; nâng cấp các phần mềm để đảm bảo liên kết đồng bộ và sẵn sàng trích xuất phục vụ các hoạt động điều hành, quản lý.

12. Khẩn trương xây dựng bộ tiêu chí lựa chọn đối tác để thực hiện so chuẩn, đối sánh và xây dựng các văn bản hướng dẫn để triển khai thực hiện. Tích cực, chủ động tìm giải pháp gia tăng hiệu quả công tác so chuẩn và đối sánh; triển khai so chuẩn, đối sánh cấp cơ sở giáo dục với các trường đại học tương đồng trong và ngoài nước để cải tiến các mặt hoạt động đáp ứng được sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu chiến lược.

13. Đầu tư cho công tác tư vấn hướng nghiệp và truyền thông tuyển sinh, nhất là các CTĐT chất lượng cao và liên kết quốc tế; huy động đồng đảo các nhà sử dụng lao động, cựu người học, giảng viên và người học cùng thực hiện. Điều chỉnh phương thức xét tuyển thẳng theo chứng chỉ tiếng Anh quốc tế. Ban hành hướng dẫn/quy trình chi tiết về công tác thanh tra, giám sát việc tuyển sinh và nhập học cập nhật theo quy định hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế.

14. Ban hành quy định tổng thể về xây dựng và phát triển chương trình đào tạo. Quan tâm đến chất lượng rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo để chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, đảm bảo chương trình đào tạo chuyển tải tốt hơn sứ mạng và triết lý giáo dục. Xác định chuẩn xác mức độ đóng góp của các học phần vào thực hiện chuẩn đầu ra và đảm bảo sự tương thích định hướng giữa nội dung kiến thức với phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra.

15. Đa dạng các hoạt động dạy học; tiếp tục đổi mới các phương pháp dạy học tích cực để nâng cao năng lực tìm kiếm thông tin và tiếp nhận kiến thức của người học; nâng cao khả năng nghiên cứu, sáng tạo thông qua hoạt động làm bài tập nhóm, thực hiện đề án môn học, tiểu luận. Tăng cường kiến thức thực tế và phát triển các hoạt động học tập trải nghiệm. Tích cực áp dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, kết hợp giảng dạy trực tiếp với giảng dạy online thông qua LMS; đẩy mạnh công tác biên soạn bài giảng điện tử, bài giảng e-learning.

16. Hoàn thiện quy định về công tác kiểm tra đánh giá, bổ sung các nội dung về xây dựng đáp án thang điểm, công bố điểm thi. Ban hành hướng dẫn về xây dựng ma trận câu hỏi thi với chuẩn đầu ra của học phần; hướng dẫn xây dựng các rubrics đánh giá. Đa dạng các hình thức đánh giá, tăng cường xây dựng ngân hàng câu hỏi thi; thực hiện thẩm định đề thi, phân tích kết quả thi để đảm bảo độ tin cậy, công bằng cho kết quả đánh giá. Sớm xây dựng lộ trình đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo theo quy định.

17. Đổi mới các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học theo hướng chuyên nghiệp hóa gắn với chuyển đổi số và đáp ứng tốt nhu cầu người học. Nghiên cứu xây dựng hệ thống kết nối trực tuyến với sinh viên trong thời gian học tập tại Học viện và tăng cường kết nối, hỗ trợ sau khi tốt nghiệp. Áp dụng các cơ chế khuyến khích đơn vị, cá nhân đổi mới, cải tiến năng suất, chất lượng và hiệu quả trong phục vụ và hỗ trợ người học.

18. Rà soát, điều chỉnh kịp thời các quy định về khoa học công nghệ phù hợp với thực tiễn; xác định các chỉ tiêu kế hoạch, xây dựng hệ thống chỉ báo KPIs để quản trị các hoạt động hàng năm phù hợp với Chiến lược phát triển Học viện trong giai đoạn mới. Tăng cường huy động và đầu tư nguồn lực; đẩy mạnh các hoạt động hợp tác trong nghiên cứu khoa học, nhất là hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp để phát triển các hướng nghiên cứu phù hợp với định hướng ứng dụng; có các giải pháp đột phá để phát triển các nghiên cứu liên ngành có giá trị thực tiễn, có khả năng chuyển giao và thương mại hóa.

19. Sớm ban hành quy định về hoạt động sở hữu trí tuệ với chiến lược, kế hoạch hoạt động và các KPIs phù hợp với bối cảnh của Học viện. Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ trong cán bộ, giảng viên và người học. Khuyến khích đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ; định kỳ tổng kết, rà soát, đánh giá để có kế hoạch và biện pháp cải tiến có hiệu quả. Sớm triển khai việc tra soát chống đạo văn đối với các sản phẩm nghiên cứu.

20. Có định hướng và chính sách phát triển quan hệ hợp tác cả chiều rộng và chiều sâu với các tổ chức, doanh nghiệp, địa phương để thu hút và khai thác nguồn lực cho các lĩnh vực hoạt động. Xây dựng các tiêu chí lựa chọn và phân nhóm các đối tác hợp tác khoa học công nghệ, các tiêu chí đánh giá hiệu quả các mối quan hệ và các hoạt động hợp tác và đối tác trong nghiên cứu. Chú trọng phát triển các hoạt động hợp tác nghiên cứu khoa học với đối tác trong và ngoài nước có uy tín để phát triển các nhóm nghiên cứu, có các sản phẩm nghiên cứu mũi nhọn.

21. Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách; tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức và khuyến khích đổi mới trong xây dựng chính sách và triển khai các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng. Cụ thể hóa và mở rộng phạm vi thực hiện các hoạt động phục vụ cộng đồng trong và ngoài Học viện thông qua truyền thông, chuyển giao tri thức và khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo để nâng cao vị thế, thương hiệu.

22. Có giải pháp hiệu quả trong công tác hướng nghiệp, tư vấn, hỗ trợ sinh viên để tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn và rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình. Đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động hỗ trợ sinh viên tìm kiếm việc làm, nâng cao kỹ năng mềm, tinh thần khởi nghiệp, sáng tạo. Hoàn thiện phần mềm quản lý để hỗ trợ hiệu quả cho công tác thống kê và khảo sát mức độ hài lòng của các bên. Quan tâm thực hiện đối sánh các chỉ số đầu ra với các cơ sở giáo dục đại học khác để có thêm căn cứ cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

23. Lựa chọn các đối tác, tiêu chí đối sánh phù hợp và thực hiện thường xuyên để xác lập mục tiêu, các chỉ số phân đầu. Tích cực thu hút đầu tư từ các tổ chức, doanh nghiệp để tăng nguồn lực; thúc đẩy các chương trình nghiên cứu tạo sản phẩm để có thể chuyển giao, thương mại hóa. Sớm thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh để tập trung nguồn lực thực hiện các dự án/đề tài trọng điểm và có các sản phẩm công bố đỉnh cao; tăng cường công tác tạo lập và khai thác tài sản trí tuệ. Thúc đẩy các hoạt động khởi nghiệp; xây dựng và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong Học viện.

24. Xây dựng hệ thống dữ liệu chung về chỉ số đánh giá kết quả về loại hình và khối lượng, kết quả tham gia hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng; thực hiện đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các đơn vị và các cán bộ giảng viên hàng năm. Định kỳ phân tích tác động xã hội và đối với cán bộ, giảng viên và người học của các hoạt động để có những cải tiến phù hợp. Có các giải pháp, chương trình thực thi thực hiện xây dựng xã hội học tập, nâng cao khả năng học tập suốt đời, lan tỏa tri thức, nâng cao dân trí, phổ biến tri thức khoa học, cập nhật ra cộng đồng.

25. Xây dựng các giải pháp đột phá, đề xuất các chính sách, cơ chế quản lý tài chính để xác lập và kiểm soát các chỉ số tài chính theo hướng mở, phát huy và khai thác đa dạng, hiệu quả các nguồn lực để tăng nhanh nguồn thu. Xác lập cụ thể các chỉ số thị trường chủ yếu trong các mảng đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và thực hiện đối sánh các chỉ số tài chính và thị trường với các trường đại học trong nước, quốc tế. Tăng cường kết nối, quảng bá thương hiệu để nâng cao sự nhận diện, vị thế của Học viện và thu hút nguồn lực nhằm phát triển và không ngừng nâng cao chất lượng các hoạt động.

Trên đây là 25 nhóm giải pháp tổng hợp, Học viện cần nghiên cứu kỹ lưỡng Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng gửi cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội theo quy định.
